

Phụ lục số 18**BẢNG GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP**

(Kèm theo Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: đồng

STT	Phạm vi	Đồng Bằng	Trung Du	Miền núi
1	Giá đất trồng lúa nước và trồng cây hàng năm			
1	- Các phường thuộc các quận (trước sắp xếp): Ba Đình, Bắc Từ Liêm, Cầu Giấy, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Hà Đông, Hoàn Kiếm, Hoàng Mai, Long Biên, Nam Từ Liêm, Tây Hồ, Thanh Xuân	290.000		
2	- Các xã giáp ranh và thị trấn thuộc huyện (trước sắp xếp): Thanh Trì, Gia Lâm, Thanh Oai	186.000		
	- Các phường thuộc thị xã Sơn Tây (trước sắp xếp): Viên Sơn, Phú Thịnh, Quang Trung			
	- Các huyện (trước sắp xếp); Hoài Đức, Đan Phượng			
3	- Các xã còn lại thuộc các huyện (trước sắp xếp): Thanh Trì, Gia Lâm, Thanh Oai	155.000		
	- Các huyện (trước sắp xếp): Đông Anh, Mê Linh, Chương Mỹ, Phú Xuyên, Thường Tín, Phúc Thọ, Ứng Hòa			
4	- Các xã, phường còn lại thuộc thị Sơn Tây (trước sắp xếp)	155.000	121.000	82.000
	- Các huyện (trước sắp xếp): Thạch Thất, Quốc Oai			
5	- Huyện Sóc Sơn (trước sắp xếp)	154.000	121.000	
6	- Các huyện (trước sắp xếp): Mỹ Đức, Ba Vì	154.000	120.000	81.000
II	Giá đất trồng cây lâu năm			

1	- Các phường thuộc các quận (trước sắp xếp): Ba Đình, Bắc Từ Liêm, Cầu Giấy, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Hà Đông, Hoàn Kiếm, Hoàng Mai, Long Biên, Nam Từ Liêm, Tây Hồ, Thanh Xuân	290.000		
2	- Các xã giáp ranh và thị trấn thuộc huyện (trước sắp xếp): Thanh Trì, Gia Lâm, Thanh Oai	218.000		
	- Các phường thuộc thị xã Sơn Tây (trước sắp xếp): Viên Sơn, Phú Thịnh, Quang Trung			
	- Các huyện (trước sắp xếp): Hoài Đức, Đan Phượng			
3	- Các xã còn lại thuộc các huyện (trước sắp xếp): Thanh Trì, Gia Lâm, Thanh Oai	182.000		
	- Các huyện (trước sắp xếp): Đông Anh, Mê Linh, Chương Mỹ, Phú Xuyên, Thường Tín, Phúc Thọ, Ứng Hòa			
4	- Các xã, phường còn lại thuộc thị xã Sơn Tây (trước sắp xếp)	182.000	113.000	78.000
	- Các huyện (trước sắp xếp): Thạch Thất, Quốc Oai			
5	- Huyện Sóc Sơn (trước sắp xếp)	180.000	112.000	-
6	- Các huyện (trước sắp xếp): Mỹ Đức, Ba Vì	180.000	112.000	78.000
III	Giá đất nuôi trồng thủy sản			
1	- Các phường thuộc các quận (trước sắp xếp): Ba Đình, Bắc Từ Liêm, Cầu Giấy, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Hà Đông, Hoàn Kiếm, Hoàng Mai, Long Biên, Nam Từ Liêm, Tây Hồ, Thanh Xuân	290.000		
2	- Các xã giáp ranh và thị trấn thuộc huyện (trước sắp xếp): Thanh Trì, Gia Lâm, Thanh Oai	186.000		
	- Các phường thuộc thị xã Sơn Tây (trước sắp xếp): Viên Sơn, Phú Thịnh, Quang Trung			
	- Các huyện (trước sắp xếp): Hoài Đức, Đan Phượng			

3	- Các xã còn lại thuộc các huyện (trước sắp xếp): Thanh Trì, Gia Lâm, Thanh Oai	155.000		
	- Các huyện (trước sắp xếp): Đông Anh, Mê Linh, Chương Mỹ, Phú Xuyên, Thường Tín, Phúc Thọ, Ứng Hòa			
4	- Các xã, phường còn lại thuộc thị xã Sơn Tây (trước sắp xếp)	155.000	97.000	50.000
	- Các huyện (trước sắp xếp): Thạch Thất, Quốc Oai			
5	- Huyện Sóc Sơn (trước sắp xếp)	154.000	121.000	
6	- Các huyện (trước sắp xếp): Mỹ Đức, Ba Vì	154.000	120.000	51.000
IV	Giá đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất			
1	- Các huyện, thị xã (trước sắp xếp); Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ, Mê Linh và Sơn Tây	69.000	52.000	41.000
2	- Các huyện (trước sắp xếp): Sóc Sơn, Mỹ Đức, Ba Vì	68.000	55.000	43.000